

NỘI DUNG 1: VĂN MINH ĐẠI VIỆT

1. Cơ sở hình thành

- Kế thừa những thành tựu chủ yếu của văn minh Văn Lang – Âu Lạc.
- Hình thành và phát triển trên cơ sở xây dựng và phát triển quốc gia Đại Việt.
- Ảnh hưởng nhiều giá trị văn minh Trung Hoa, Ấn Độ, Chăm-pa...

2. Thành tựu văn minh tiêu biểu

a. Chính trị

- Xây dựng và tổ chức bộ máy nhà nước ngày càng kiên toàn và hoàn thiện từ trung ương đến địa phương.
- Nho giáo là tư tưởng chính của chế độ chuyên chế, bên cạnh là nêu cao tinh thần "Tam giáo đồng nguyên".
- Luật pháp được dân hoàn thiện: năm 1002 nhà Tiền Lê định luật lệ, năm 1042 nhà Lý ban hành bộ *Hình thư*, nhà Trần có bộ *Hoàng triều đại điển* và bộ *Hình luật*, nhà Lê Sơ có bộ *Quốc triều hình luật* (Luật Hồng Đức), nhà Nguyễn có bộ *Hoàng Việt luật lệ* (Luật Gia Long).

b. Kinh tế

* Nông nghiệp

- Trồng lúa nước là ngành kinh tế chủ đạo, dùng cày sắt, sức kéo của trâu bò, thâm canh...
- Ngoài ra còn trồng nhiều cây khác: khoai, sắn, ngô, kê, đậu ...
- Công cuộc khai khẩn đất hoang cũng được chú trọng.

* Thủ công nghiệp

- Nghề thủ công cổ truyền tiếp tục phát triển: dệt, đúc đồng...
- Xuất hiện nhiều nghề mới và làng, phường thủ công chuyên nghiệp; xuất khẩu sang các nước.
- Thành tựu: An Nam tứ đại khí, tàu thủy chạy bằng máy hơi nước.

* Thương nghiệp

- Chợ địa phương và phố buôn bán ra đời, kinh đô Thăng Long là trung tâm buôn bán sầm uất.
- Ở các đô thị, hải cảng việc buôn bán, trao đổi hàng hoá với các nước trên thế giới được mở rộng, tạo sự phồn thịnh cho quốc gia Đại Việt.

c. Về tư tưởng, tôn giáo

* Tư tưởng yêu nước thương dân

- Tư tưởng yêu nước thương dân phát triển theo hai xu hướng: Dân tộc (đề cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự cường dân tộc) và Thân dân (đề cao vai trò, sức mạnh của nhân dân).

* Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và Hùng Vương

- Tiếp tục phát triển: xây lăng miếu, đền đài thờ tổ tiên, các anh hùng,.. tạo nên tinh thần cởi mở, hòa đồng tôn giáo của người Việt.

* Phật giáo

- Phát triển mạnh và trở thành quốc giáo thời Lý - Trần.
- Thế kỉ XV, Phật giáo mất vai trò quan trọng, nhưng vẫn đồng hành cùng dân tộc trong xây dựng và phát triển đất nước.

* Đạo giáo

- Phổ biến trong dân gian và được các triều đại phong kiến coi trọng.

* Nho giáo

- Phát triển cùng với sự phát triển của giáo dục và thi cử.

- Từ thế kỉ XV, Nho giáo giữ địa vị độc tôn, là hệ tư tưởng của giai cấp thống trị.

* *Hồi giáo, Công giáo*

- Từ thế kỉ XV- XVI, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo du nhập vào Đại Việt.

d. Giáo dục, chữ viết và văn học

* *Giáo dục*

- Năm 1075, nhà Lý mở khoa thi đầu tiên, 1076 xây dựng Quốc Tử Giám.

- Năm 1247, nhà Trần tổ chức thi Tam khôi đầu tiên, năm 1374 Hồ Quý Ly cải cách phép thi

- Thời Lê Sơ giáo dục, thi cử ngày càng quy củ, là phương thức chủ yếu để tuyển chọn quan lại.

- Thế kỉ XVI-XIX, giáo dục Nho học tiếp tục đóng vai trò chủ yếu đào tạo quan lại và nâng cao dân trí.

* *Chữ viết*

- Tiếp thu chữ Hán, sáng tạo ra chữ Nôm.

- Thế kỉ XVII, chữ Quốc ngữ ra đời phát triển hoàn thiện trở thành chữ viết Việt Nam.

* *Văn học*

- Văn học chữ Hán: chủ yếu là thơ, lịch, phú, văn xuôi tự sự, tiểu thuyết chương hồi...thể hiện lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc.

- Văn học chữ Nôm: xuất hiện từ thế kỉ XIII, phát triển mạnh vào thế kỉ XVI - XIX.

- Văn học dân gian: tiếp tục phát triển ở thế kỉ XVI – XVIII, những tri thức được đúc kết dưới dạng ca dao, tục ngữ...

e. Khoa học

* *Sử học*

- Nhà Trần lập *Quốc sử viện*, nhà Nguyễn lập *Quốc sử quán*.

- Nhiều bộ sử được biên soạn: *Đại Việt sử kí*, *Đại Việt sử kí toàn thư*, *Đại Việt thông sử*, *Đại Nam thực lục*...

* *Địa lí học*

- Những công trình tiêu biểu như: *Dư địa chí*, *Hồng Đức bản đồ*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Gia Định thành thông chí*...

* *Toán học*

- Có các tác phẩm tiêu biểu: *Lập thành toán pháp*, *Toán pháp đại thành*, *Khải minh toán học*...

* *Khoa học quân sự*

- Nhà Hồ chế tạo súng thần cơ; Nhà Tây Sơn là đại pháo, hoả pháo; Nhà Nguyễn xây dựng thành quách.

- Nhiều tư tưởng và nghệ thuật quân sự đặc sắc.

* *Y học*

- Nhiều danh y và nhiều tác phẩm giá trị: Tuệ Tĩnh, Lê Hữu Trác, Chu Văn An..

g. Nghệ thuật

* *Âm nhạc*

- Âm nhạc dân gian có sức sống mạnh mẽ, phong phú về thể loại (dân ca, hò, vè, tuồng, chèo...)

- Âm nhạc cung đình phát triển từ thời Lý-Trần, đến thời Lê, nhà Nguyễn, âm nhạc cung đình trở thành thiết yếu của nghi lễ cung đình.

- Âm nhạc Đại Việt gắn liền với các lễ hội (giỗ Tổ Hùng vương, hội Gióng, tết Nguyên đán...) trở thành truyền thống chung của cộng đồng các dân tộc.

* *Kiến trúc và điêu khắc*

- Kiến trúc thời phát triển mạnh Lý - Trần; thời Lê sơ xây dựng cung điện, thành quách, chùa

tháp...

- Điều khắc trên đá, gỗ, gốm rất độc đáo, mang đậm bản sắc dân tộc. Nghệ thuật tạc tượng từ thế kỉ XVIII đạt trình độ điêu luyện.

3. Ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam

- Văn minh Đại Việt thể hiện một nền văn hóa rực rỡ, phong phú, toàn diện, độc đáo...khẳng định bản sắc của một dân tộc, một quốc gia văn hiến, văn minh.

- Văn minh Đại Việt tạo nên sức mạnh để kháng chiến chống ngoại xâm, giành thắng lợi và là nền tảng để đạt nhiều thành tựu trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Văn minh Đại Việt là cội nguồn của văn minh Việt Nam hiện đại.

NỘI DUNG 2: CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

1. Thành phần dân tộc theo dân số

- Việt Nam hiện có 54 dân tộc, phân bố trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam.

- Dân tộc Kinh có số lượng đông nhất chiếm 85,32% dân số cả nước.

- Các dân tộc còn lại chiếm 14,68% dân số với nhiều nhóm nhỏ.

2. Khái quát về đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

a. Đời sống vật chất

*** Hoạt động kinh tế**

+ Kinh tế nông nghiệp

- Do địa hình, điều kiện tự nhiên khác biệt nên sản xuất của các dân tộc khác nhau.

- Người Kinh sống tập trung ở đồng bằng chủ yếu làm lúa nước và chăn nuôi; các dân tộc thiểu số chủ yếu phát triển kinh tế nương rẫy kết hợp chăn nuôi.

+ Thủ công nghiệp

- Người Kinh đa dạng về ngành nghề; cộng đồng các dân tộc thiểu số duy trì các nghề truyền thống gắn với nhu cầu và bản sắc riêng mỗi cộng đồng.

*** Ẩm thực, nhà ở và trang phục**

+ Ẩm thực:

Ẩm thực người Kinh gắn với đời sống kinh tế nông nghiệp, bữa ăn chính là cơm, canh, rau, cá, thịt..

- Ẩm thực các dân tộc thiểu số thiên về các món nướng, hấp, bữa ăn chính được chế biến từ gạo nếp, ngô, bên cạnh là sự phong phú các đồ uống (rượu cần, rượu ngô...)

+ Nhà ở

- Người Kinh thường sống ở nhà trệt 3 gian, 5 gian truyền thống có sân rộng phía trước và khuôn viên vườn cây, ao cá xung quanh.

- Nhà sàn, nhà trình tường, nhà nửa sàn-nửa đất...đặc trưng cho các dân tộc Tây Bắc - Đông Bắc bộ.

- Nhà sàn, nhà rông, nhà dài. ... đặc trưng cho các dân tộc vùng Trường Sơn- Tây Nguyên

+ Trang phục

- Mỗi dân tộc đều có những trang phục riêng, phản ánh điều kiện sống cũng như óc thẩm mỹ từng cộng đồng.

+ Phương tiện đi lại và vận chuyển

- Rất đa dạng: từ đi bộ, xe kéo, ngựa thồ thuyền bè, ghe xuồng. đến các phương tiện giao thông hiện đại như xe máy, ô tô, tàu hỏa, tàu thủy, máy bay...

b. Đời sống tinh thần

*** Tín ngưỡng, tôn giáo**

- Tín ngưỡng dân gian: thờ cúng Trời, đất, tổ tiên, các vị thần linh, anh hùng dân tộc

- Một số tôn giáo: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo.

*** Phong tục, tập quán, lễ hội**

- Phong tục, tập quán gắn liền với đời người, như: Sinh đẻ, cưới hỏi, làm nhà, ma chay tạo nên nét văn hoá đặc trưng của mỗi dân tộc.
- Lễ hội có vai trò rất quan trọng trong đời sống văn hoá tinh thần của các dân tộc,
- Âm nhạc, văn học, dân ca, các điệu múa, trò chơi dân gian chứa đựng nhiều giá trị văn hóa rất đặc sắc, góp phần làm giàu kho tàng văn hoá Việt Nam.

NỘI DUNG 3: KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VIỆT NAM

1. Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam

a. Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc

- Khối đại đoàn kết dân tộc được hình thành từ 2 cơ sở:
- + Xuất phát từ nhu cầu thủy lợi, phát triển nông nghiệp, đấu tranh chống ngoại xâm.
- + Nhà nước Việt Nam qua các thời kì cũng thực hiện nhiều chính sách để xây dựng mối quan hệ hữu nghị, tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc.

b. Vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước

- Xây dựng đất nước: khai phá đất đai, sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, sáng tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần.
- Chống ngoại xâm: các dân tộc Việt Nam đã chung vai sát cánh trong các cuộc đấu tranh chống lại sự xâm lược và thống trị của ngoại bang.

c. Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

- Tạo ra môi trường hòa bình, ổn định cho việc phát triển kinh tế, văn hóa;
- Là nguồn sức mạnh để bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.
- Góp phần hình thành lịch sử dựng nước và giữ nước hào hùng của dân tộc.

2. Chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước hiện nay

+ Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc

- Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc là hết sức coi trọng.
- Trên các nguyên tắc cơ bản là: Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau.

----HẾT----